

Số: 73/2022/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 07 tháng 03 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985.

ĐKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982.

ĐKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn K. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 107, ngày 28/06/2007 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: chị N và anh K có 02 con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 24/10/2006 và Nguyễn K, sinh ngày 16/04/2009. Khi ly hôn, chị N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trà M và Nguyễn K (phù hợp theo nguyện vọng

của 02 con chung Trà M và K ) và chị N tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: chị N và anh K khai không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị N nhận nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003718 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ, chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Mộng Tuyền**